

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ CAO HÀ NỘI
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ CAO HÀ NỘI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HA NOI HIGH TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: CNC HA NOI.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0109272724

3. Ngày thành lập: 17/07/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 41, ngõ 4, phố Đồng Me, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0989557011

Fax:

Email: cnchn2020@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
2.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
3.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
4.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
5.	Sản xuất đường	1072
6.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
7.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
8.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
9.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
10.	Sản xuất rượu vang	1102
11.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
12.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
13.	Sản xuất sợi	1311
14.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
15.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
16.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
17.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
18.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
19.	Sản xuất giày, dép	1520
20.	Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
21.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
22.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623

23.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
24.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
25.	Sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa	1702
26.	Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp	2021
27.	Sản xuất sợi nhân tạo	2030
28.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
29.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
30.	Đúc sắt, thép	2431
31.	Đúc kim loại màu	2432
32.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
33.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
34.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
35.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
36.	Sản xuất đồng hồ	2652
37.	Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp	2660
38.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670
39.	Sản xuất băng, đĩa từ tính và quang học	2680
40.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thể điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
41.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
42.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
43.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
44.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
45.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
46.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
47.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
48.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
49.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
50.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
51.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
52.	Xây dựng nhà để ở	4101
53.	Xây dựng nhà không để ở	4102
54.	Xây dựng công trình điện	4221
55.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
56.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223

57.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
58.	Xây dựng công trình thủy	4291
59.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
60.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
61.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
62.	Phá dỡ	4311
63.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
64.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
65.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
66.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
67.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
68.	Bán buôn đồ uống	4633
69.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
70.	Bán buôn tổng hợp	4690
71.	Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành	4921
72.	Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh	4922
73.	Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác	4929
74.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Dịch vụ tư vấn du học - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại - Dạy máy tính - Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng - Đào tạo về kỹ năng sống; Các dịch vụ dạy kèm	8559(Chính)
75.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
76.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Hoạt động phiên dịch - Tư vấn về nông học - Tư vấn về môi trường	7490
77.	Đại lý du lịch	7911
78.	Điều hành tua du lịch	7912
79.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
80.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
81.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
82.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610

83.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
84.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
85.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa	4610
86.	Cho thuê xe có động cơ	7710
87.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
88.	Đào tạo sơ cấp	8531
89.	Đào tạo trung cấp	8532
90.	Đào tạo cao đẳng	8533
91.	Lập trình máy vi tính	6201
92.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
93.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
94.	Cổng thông tin	6312
95.	Quảng cáo	7310
96.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận Chi tiết: Điều tra thị trường tiềm năng, sự chấp nhận, tính liên quan của sản phẩm và thói quen mua sắm của người tiêu dùng cho mục đích xúc tiến bán và phát triển những sản phẩm mới, bao gồm kết quả phân tích thống kê	7320
97.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: Hoạt động của đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm	7810
98.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
99.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: - Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước - Cung ứng và quản lý nguồn lao động đi làm việc ở nước ngoài	7830
100.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
101.	Trồng cây lâu năm khác	0129
102.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
103.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa	0142
104.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144
105.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
106.	Chăn nuôi gia cầm	0146
107.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
108.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162

109.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
110.	Hoạt động của các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng	8710
111.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
112.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
113.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng - Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính - Bán buôn máy móc được điều khiển bằng máy vi tính cho công nghiệp dệt, may - Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường	4659
114.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng - Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính - Bán buôn máy móc được điều khiển bằng máy vi tính cho công nghiệp dệt, may - Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường	4730
115.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
116.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Không bao gồm kinh doanh bất động sản)	5210
117.	Bốc xếp hàng hóa	5224
118.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
119.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
120.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
121.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: - Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác - Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) - Đại lý phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
122.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Sắp xếp hoặc tổ chức các hoạt động vận tải đường sắt, đường bộ, đường biển hoặc đường không - Hoạt động của các đại lý vận tải hàng hóa đường biển và hàng không - Môi giới thuê tàu biển và máy bay	5229

123.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
124.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
125.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột	4632
126.	Giáo dục nhà trẻ	8511
127.	Giáo dục mẫu giáo	8512
128.	Xuất bản phần mềm	5820
129.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan Chi tiết: - Hoạt động cung cấp và cho thuê hạ tầng thông tin như: cho thuê tên miền internet, cho thuê trang Web.... - Xử lý dữ liệu hoàn chỉnh cho khách hàng như: nhập tin, làm sạch dữ liệu, tổng hợp dữ liệu, tạo báo cáo, từ dữ liệu do khách hàng cung cấp.	6311
130.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
131.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản Chi tiết: Sản xuất đồ ăn sẵn cho động vật trang trại, bao gồm thức ăn cô đặc và thức ăn bổ sung	1080
132.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm cho con người: Tẩu hút, lược, bình xịt nước hoa, lọc chân không và các bình chân không khác dùng cho cá nhân hoặc gia đình, tóc giả, râu giả, mi giả, bút kẻ lông mày	3290
133.	Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế	1920
134.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ Chi tiết: Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ (phân vi sinh)	2012
135.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
136.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
137.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0231
138.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
139.	Khai thác thủy sản biển	0311
140.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
141.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 500.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN THỊ HOÀI TÂM	A2 tập thể KSXD, Phường Phúc Xá, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	75.000	750.000.000	15,000	013380803	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	75.000	750.000.000	15,000		
2	NGUYỄN ĐỨC TIẾN	Số 233 Nhà TG1, Tập thể Quân đội Bắc Nghĩa Tân, Phường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	50.000	500.000.000	10,000	013631649	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	50.000	500.000.000	10,000		

3	THÂN THỊ KIM TUYẾN	P3-C12, tập thể ĐHNN Tô 32, , Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	75.000	750.000.000	15,000	011866950
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	75.000	750.000.000	15,000	
4	TRẦN HƯƠNG THẢO	Số 233 Nhà TG1, Tập thể Quân đội Bắc Nghĩa Tân, Phường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	200.000	2.000.000.000	40,000	0261810045 82
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	200.000	2.000.000.000	40,000	
5	ĐÀO THỊ NGÀ MY	Số 6 ngách 135/48 Ngọc Lâm, Phường Ngọc Lâm, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	100.000	1.000.000.000	20,000	0311750077 60
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	100.000	1.000.000.000	20,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: THÂN THỊ KIM TUYẾN

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 26/08/1967

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 011866950

Ngày cấp: 07/07/2009

Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: P3-C12, tập thể ĐHNN, tổ 32, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 41, ngõ 4, phố Đồng Me, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội